

|  |
| --- |
| INTERNATIONAL STANDARD FOR PHYTOSANITARY MEASURES 28 |

ISPM 28



VIỆT

Xử lý Kiểm dịch thực vật đối với dịch hại thuộc diện điều chỉnh

Ban Thư ký Công ước Quốc tế về Bảo vệ thực vật (IPPC)

TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

**TIÊU CHUẨN 28**

**Xử lý Kiểm dịch thực vật đối với dịch hại thuộc diện điều chỉnh**

Ban Thư ký Công ước quốc tế về bảo vệ thực vật

Thông qua 2007; công bố 2016

© FAO 2007

FAO khuyến khích việc sử dụng, in ấn và phổ biến nội dung trong sản phẩm thông tin này. Trừ khi có quy định khác, tài liệu có thể được sao chép, tải xuống và in cho mục đích học tập, nghiên cứu và giảng dạy cá nhân, hoặc để sử dụng trong các sản phẩm hoặc dịch vụ phi thương mại, với điều kiện là xác nhận nguồn của FAO, và không ngụ ý rằng FAO thông qua quan điểm, sản phẩm hoặc dịch vụ của người sử dụng.

Khi in ấn ISPM này, cần lưu ý rằng có thể tải được phiên bản ISPM cập nhật nhất từ trang web [www.ippc.int](http://www.ippc.int).

Tất cả các yêu cầu về quyền dịch thuật và điều chỉnh, bán lại và các quyền sử dụng thương mại khác phải được thực hiện thông qua www.fao.org/contact-us/licence-request hoặc gửi đến copyright@fao.org.

Các sản phẩm thông tin của FAO được đăng trên trên trang web của FAO (www.fao.org/publications) và có thể được mua qua publications-sales@fao.org.

Các chỉ dẫn và tài liệu sử dụng trong sản phẩm thông tin này không ngụ ý thể hiện bất kỳ ý kiến nào của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) về tình trạng pháp lý hoặc phát triển của bất kỳ quốc gia, lãnh thổ, thành phố nào hoặc khu vực hoặc chính quyền của quốc gia, lãnh thổ, thành phố nào hoặc khu vực đó, hoặc về việc phân định biên giới hoặc ranh giới. Việc đề cập đến các công ty hoặc sản phẩm của các nhà sản xuất cụ thể, dù có bằng sáng chế hay không, cũng không ngụ ý rằng những các công ty hoặc sản phẩm này đã được FAO thông qua hoặc khuyến nghị sử dụng hơn so với các các công ty hoặc sản phẩm khác tính chất tương tự nhưng không được đề cập ở đây.

**Lịch sử phát hành**

*Đây không phải là một phần chính thức của Tiêu chuẩn này*

2004-04 ICPM-6 added topic *Phytosanitary treatments for regulated pests*

(2004-028)

2004-11 SC approved Specification 22 *Research protocols for phytosanitary* *measures*

2005-08 TPPT developed draft text and sent for MC

2005-10 MC under fast-track process

2005-11 SC requested further review

2006-05 SC revised draft text and approved for MC

2006-06 Sent for MC

2006-11 SC revised draft text

2007-03 CPM-2 adopted standard

**ISPM 28**. 2007.*Phytosanitary treatments for regulated pests*. Rome, IPPC, FAO.

Publication histories of attachments are included in each attachment.

2014-04 Secretariat updated Appendix 1.

2015-03 CPM-10 adopted the elimination of Appendix 1.

2015-06 IPPC Secretariat incorporated ink amendments and reformatted standards following revoking of standards procedure from CPM-10 (2015).

Publication history last modified: 2015-12.

**MỤC LỤC**

[Thông qua 8](#_Toc9798700)

[GIỚI THIỆU 8](#_Toc9798701)

[Phạm vi áp dụng 8](#_Toc9798702)

[Tài liệu tham khảo 8](#_Toc9798703)

[Định nghĩa thuật ngữ 8](#_Toc9798704)

[Yêu cầu chung 8](#_Toc9798705)

[TỔNG QUAN 9](#_Toc9798706)

[YÊU CẦU 9](#_Toc9798707)

[**1.** **Mục đích và sử dụng** 9](#_Toc9798708)

[**2.** **Quá trình nộp hồ sơ và thông qua một biện pháp xử lý** 10](#_Toc9798709)

[**3.** **Yêu cầu của Biện pháp Xử lý KDTV** 10](#_Toc9798710)

[**4.** **Đánh giá biện pháp xử lý đã trình** 13](#_Toc9798711)

[**5.** **Công bố biện pháp xử lý Kiểm dịch thực vật** 14](#_Toc9798712)

[**6.** **Rà soát và đánh giá lại biện pháp xử lý** 14](#_Toc9798713)

# Thông qua

Tiêu chuẩn này đuợc thông qua tại Kỳ họp lần thứ 2 của Ủy ban về các Biện pháp Kiểm dịch thực vật, tổ chức vào tháng 3 năm 2007. Thông tin về việc thông qua từng văn bản đính kèm được nêu rõ ngay tại bản đính kèm, nếu khác với bản chính.

# GIỚI THIỆU

# Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này trình bày biện pháp xử lý KDTV thành từng phụ lục, các biện pháp xử lý này được Ủy ban về các biện pháp kiểm dịch thực vật (CPM) đánh giá và thông qua. Tiêu chuẩn này cũng mô tả các yêu cầu để trình và đánh giá dữ liệu về hiệu lực cũng như thông tin liên quan khác về biện pháp xử lý KDTV có thể được sử dụng như một biện pháp KDTV và sẽ trở thành phụ lục của tiêu chuẩn này sau khi được thông qua.

Các biện pháp xử lý được áp dụng để kiểm soát đối tượng phải kiểm soát đối với vật thể thuộc diện KDTV, chủ yếu là đối với những hàng hóa được vận chuyển trong thương mại quốc tế. Các biện pháp xử lý đã được thông qua này đưa ra yêu cầu tối thiểu cần thiết để kiểm soát dịch hại thuộc diện điều chỉnh với hiệu lực mong muốn.

Phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn này không bao gồm các vấn đề liên quan đến việc đăng ký thuốc BVTV hoặc các yêu cầu trong nước khác để phê duyệt các biện pháp xử lý (ví dụ: chiếu xạ)[[1]](#footnote-1).

# Tài liệu tham khảo

Tiêu chuẩn này tham khảo các Tiêu chuẩn quốc tế về các Biện pháp Kiểm dịch thực vật (ISPM), được đăng tải trên Cổng Thông tin về Kiểm dịch thực vật của Công ước quốc tế Bảo vệ thực vật (IPPC) (viết tắt là IPP) <https://www.ippc.int/core-activities/standards-setting/ispms>.

**IPPC**. 1997.*Công ước quốc tế Bảo vệ thực vật*. Rome, IPPC, FAO.

# Định nghĩa thuật ngữ

Tiêu chuẩn này sử dụng định nghĩa thuật ngữ kiểm dịch thực vật nêu trong ISPM 5 (*Định nghĩa thuật ngữ về kiểm dịch thực vật*).

# Yêu cầu chung

Hài hòa các biện pháp kiểm dịch thực vật giúp thực hiện hiệu quả các biện pháp kiểm dịch thực vật trong nhiều trường hợp và giúp thúc đẩy công nhận lẫn nhau về hiệu quả xử lý. Các phụ lục của tiêu chuẩn này mô tả các biện pháp xử lý đã được CPM thông qua.

Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia (NPPO) và Tổ chức Bảo vệ thực vật vùng (RPPO) có thể gửi dữ liệu và các thông tin khác để đánh giá tính hiệu lực, tính khả thi và khả năng áp dụng các biện pháp xử lý. Thông tin phải gồm mô tả chi tiết về biện pháp xử lý, trong đó có dữ liệu về hiệu lực, tên của người liên hệ và lý do gửi. Các biện pháp xử lý đủ điều kiện để đánh giá bao gồm biện pháp xử lý cơ học, hóa học, chiếu xạ, vật lý và kiểm soát không khí (controlled atmosphere). Số liệu về hiệu lực phải rõ ràng và tốt nhất phải bao gồm dữ liệu về việc xử lý trong phòng thí nghiệm hoặc trong điều kiện được kiểm soát cũng như trong các điều kiện hoạt động. Thông tin về tính khả thi và khả năng áp dụng của (các) biện pháp được đề xuất nên bao gồm cả các mục về chi phí, tính phù hợp trong thương mại, trình độ chuyên môn cần thiết để áp dụng và tính linh hoạt.

Việc đệ trình với thông tin bổ sung sẽ được ban Kỹ thuật về Xử lý KDTV (TPPT) xem xét, nếu như biện pháp xử lý đó được chấp nhận, sẽ đuọcư trình lên CPM để phê chuẩn.

# TỔNG QUAN

Mục đích của IPPC là “ngăn chặn sự lây lan và xâm nhập của dịch hại trên và sản phẩm thực vật, và thúc đẩy các biện pháp thích hợp để kiểm soát dịch hại” (Điều I.1 của IPPC). Yêu cầu hoặc áp dụng biện pháp xử lý KDTV đối với các vật thể thuộc diện kiểm dịch là một biện pháp kiểm dịch thực vật được các thành viên IPPC sử dụng để ngăn chặn dịch hại regulated xâm nhập và lây lan.

Điều VII.1 của IPPC 1997: Article VII.1 of the IPPC 1997 states:

các bên tham gia Công ước có quyền điều chỉnh, theo các điều ước quốc tế hiện hành, việc nhập cảnh của thực vật và sản phẩm thực vật cũng như vật thể thuộc diện kiểm dịch khác và có thể:

1. (a) quy định và áp dụng các biện pháp kiểm dịch thực vật liên quan đến việc nhập khẩu thực vật, sản phẩm thực vật và các vật thể thuộc diện kiểm dịch khác, bao gồm, ví dụ như kiểm tra, cấm nhập khẩu và xử lý.

Nếu một bên tham gia công ước yêu cầu áp dụng biện pháp kiểm dịch thực vật thì phải chứng minh biện pháp đó hợp lý về mặt kỹ thuật (Điều VII.2 (a) của IPPC).

Các NPPO áp dụng biện pháp xử lý KDTV để ngăn chặn dịch hại được kiểm soát xâm nhập và lây lan. Một số biện pháp xử lý được đưa ra trên cơ sở dữ liệu nghiên cứu rộng rãi, và một số dựa vào băng chứng về hiệu lực. Trên thực tế, có nhiều nước sử dụng cùng một biện pháp xử lý hoặc biện pháp xử lý tương tự đối với dịch hại cụ thể nào đó; tuy nhiên, quá trình công nhận lẫn nhau thường rất phức tạp và khó khăn. Hơn nữa, trước đây chưa hề có tổ chức hoặc quy trình nào được quốc tế công nhận để đánh giá các biện pháp xử lý về mặt hiệu lực cũng như chưa hề có một cơ sở trung tâm để liệt kê các biện pháp xử lý. Tại phiên họp thứ sáu của IPPC, vào năm 2004, Ủy ban Lâm thời về các biện pháp kiểm dịch thực vật thừa nhận sự cần thiết phải công nhận quốc tế các biện pháp xử lý KDTV quan trọng và đã phê duyệt thành lập TPPT nhằm mục đích đó.

# YÊU CẦU

## **Mục đích và sử dụng**

Mục đích của việc hài hòa các biện pháp kiểm dịch thực vật là hỗ trợ các biện pháp KDTV hiệu quả trong nhiều trường hợp và thúc đây các NPPO công nhận lẫn nhau hiệu lực của các biện pháp xử lý, điều này cũng có thể tạo thuận lợi cho thương mại. Hơn nữa, các schedule quy trình xử lý này sẽ giúp phát triển chuyên môn và hợp tác kỹ thuật. NPPO không bị buộc phải sử dụng các biện pháp xử lý này mà có thể sử dụng các biện pháp xử lý KDTV khác để xử lý cùng loại dịch hại thuộc diện điều chỉnh và các vật thể thuộc diện kiểm dịch.

Các biện pháp xử lý KDTV đã được thông qua chính là phương tiện để tiêu diệt, gây bất hoạt hoặc loại bỏ dịch hại, để làm cho dịch hại không còn khả năng sinh sản hoặc làm cho dịch hại không còn khả năng hoạt động, với hiệu lực cụ thể, và chủ yếu liên quan đến thương mại quốc tế. Khi cần, có thể nêu rõ hiệu lực, độ đặc hiệu và khả năng ứng dụng của mỗi biện pháp xử lý. NPPO có thể áp dụng các tiêu chí này để lựa chọn một biện pháp hay kết hợp nhiều biện pháp xử lý phù hợp với tình hình.

Khi đưa ra yêu cầu biện pháp xử lý KDTV đối với hàng nhập khẩu, các bên tham gia Công ước cần tính đến các điểm sau:

- Các biện pháp KDTV phải được chứng minh hợp lý về mặt kỹ thuật.

- Các biện pháp xử lý KDTV nêu trong phần phụ lục của tiêu chuẩn này đóng vai trò là ISPM, và do đó cần được xem xét phù hợp.

- Chế độ quản lý của bên xuất khẩu có thể khiến cho một số biện pháp xử lý không được chấp thuận áp dụng trong phạm vi lãnh thổ của mình. Do đó, cần nỗ lực chấp nhận các biện pháp xử lý tương đương nếu có thể.

## **Quá trình nộp hồ sơ và thông qua một biện pháp xử lý**

Quá trình nộp hồ sơ bắt đầu từ bước kêu gọi đưa ra chủ đề cho các tiêu chuẩn (bao gồm cả chủ đề về xử lý) theo "quy trình xây dựng tiêu chuẩn của IPPC" và "Quy trình và tiêu chí để xác định chủ đề và đưa vào chương trình xây dựng tiêu chuẩn của IPPC". Các quy trình này đều được cung cấp trên Cổng thông tin Kiểm dịch thực vật quốc tế (<https://www.ippc.int>).

Cụ thể, các điểm sau áp dụng cho các biện pháp xử lý: In particular, the following points apply to treatments:

- Sau khi chủ đề về xử lý (ví dụ: biện pháp xử lý ruồi đục quả hoặc dịch hại trên gỗ) được bổ sung vào chương trình xây dựng tiêu chuẩn của IPPC, Ban thư ký IPPC, dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Tiêu chuẩn (với các khuyến nghị từ TPPT), sẽ kêu gọi nộp hồ sơ và dữ liệu về chủ đề đó.

- NPPO hoặc RPPO nộp hồ sơ về biện pháp xử lý (kèm theo thông tin liên quan theo yêu cầu nêu trong phần 3) lên Ban thư ký.

- Chỉ khi thấy hồ sơ về biện pháp xử lý có thể đáp ứng các yêu cầu nêu trong tiêu chuẩn này, NPPO hoặc RPPO mới gửi hồ sơ, và biện pháp xử lý đó nên được phê duyệt để sử dụng trong nước trước khi hồ sơ được gửi đi. Biện pháp xử lý bao gồm, nhưng không giới hạn, biện pháp cơ học, hóa học, chiếu xạ, vật lý (nhiệt, lạnh) và kiểm soát không khí. NPPO và RPPO nên tính đến các yếu tố khác khi xem xét các biện pháp xử lý KDTV sẽ nộp hồ sơ, như ảnh hưởng đến sức khỏe và an toàn của con người, sức khỏe động vật và tác động đến môi trường (như mô tả trong phần mở đầu và Điều I.1 của IPPC và Điều III của IPPC về mối liên quan với các điều ước quốc tế khác). Ảnh huỏng đến chất lượng và mục đích sử dụng đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch cũng cần được xem xét.

* Hồ sơ về biện pháp xử lý sẽ được đánh giá dựa trên các yêu cầu được nêu trong phần 3. Nếu số lượng hồ sơ lớn, TPPT sẽ làm việc với Ủy ban Tiêu chuẩn để xác định mức độ ưu tiên cho việc xem xét hồ sơ.

Các phương pháp xử lý đáp ứng yêu cầu nêu trong phần 3 sẽ được khuyến nghị và được gửi hồ sơ, cùng với báo cáo và tóm tắt thông tin đã được đánh giá, cho Ủy ban Tiêu chuẩn và sau đó là đến quy trình thiết lập tiêu chuẩn IPPC. Báo cáo của hội đồng kỹ thuật với thông tin tóm tắt và báo cáo của Ủy ban Tiêu chuẩn sẽ được cung cấp cho các bên tham gia Công ước. Thông tin chi tiết hơn (thông tin không phải bảo mật) sẽ được cung cấp theo yêu cầu của Ban Thư ký.

- CPM sẽ thông qua hoặc từ chối biện pháp xử lý. Nếu được thông qua, biện pháp xử lý sẽ được đưa vào phụ lục của tiêu chuẩn này.

## **Yêu cầu của Biện pháp Xử lý KDTV**

Với mục đích của tiêu chuẩn này, biện pháp xử lý KDTV phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- phải có hiệu quả trong việc tiêu diệt, gây bất hoạt hoặc loại bỏ dịch hại, để làm cho dịch hại không còn khả năng sinh sản hoặc làm cho dịch hại không còn khả năng hoạt động trên vật thể thuộc diện kiểm dịch. Cần nêu rõ mức hiệu lực của biện pháp xử lý (định lượng hoặc chỉ rõ để thống kê). Nếu dữ liệu thí nghiệm không có hoặc không đầy đủ, cần cung cấp bằng chứng khác về hiệu lực (chẳng hạn như thông tin/ kinh nghiệm lịch sử và /hoặc thực tế).

 - được ghi chép đầy đủ để cho thấy rằng dữ liệu về hiệu lực đã được xây dựng theo quy trình khoa học phù hợp, bao gồm, khi cần, thiết kế thí nghiệm thích hợp. Các dữ liệu chứng minh cho biện pháp xử lý phải có khả năng kiểm chứng, tái lập, và dựa trên các phương pháp thống kê và / hoặc thực hành quốc tế đã được xây dựng và được chấp nhận; tốt nhất là nghiên cứu đó đã được công bố trên một tạp chí đã được bình duyệt.

- Có tính khả thi và khả năng áp dụng chủ yếu trong thương mại quốc tế hoặc cho mục đích khác (ví dụ: để bảo vệ các khu vực trong nước đang bị đe dọa, hoặc để nghiên cứu).

- không gây hại đối với thực vật hoặc gây tác dụng phụ khác.

Hồ sơ về biện pháp xử lý phải gồm các thông tin sau:

* Thông tin tóm tắt
* dữ liệu hiệu lực để chứng minh cho biện pháp xử lý KDTV
* thông tin về tính khả thi và khả năng áp dụng.

**3.1** **Thông tin tóm tắt**

Thông tin tóm tắt mà NPPO hoặc RPPO phải nộp cho Ban thư ký cần bao gồm:

* Tên biện pháp xử lý
* tên NPPO hoặc RPPO và người cấp thông tin
* tên và thông tin liên lạc của người có chịu trách nhiệm về hồ sơ
* mô tả biện pháp xử lý (hoạt chất, loại hình xử lý, vật thể thuộc diện kiểm dịch cần xử lý, đối tượng dịch hại, quy trình xử lý schedule và thông tin liên quan khác)
* lý do nộp hồ sơ, bao gồm cả mối liên quan với các ISPM hiện tại.

Hồ sơ nên sử dụng mẫu do Ban thư ký IPPC cung cấp và đăng trên Cổng thông tin KDTV quốc tế (https://www.ippc.int).

Ngoài ra, NPPO hoặc RPPO phải mô tả kinh nghiệm hoặc chuyên môn trong lĩnh vực chủ đề của phòng thí nghiệm, tổ chức và /hoặc nhà khoa học tham gia việc xử lý dữ liệu và bất kỳ hệ thống đảm bảo chất lượng hoặc chương trình công nhận nào được áp dụng trong quá trình xây dựng và / hoặc thử nghiệm biện pháp xử lý KDTV. Thông tin này sẽ được xem xét khi đánh giá dữ liệu được nộp.

**3.2 Dữ liệu về hiệu lực để nộp cùng hồ sơ biện pháp xử lý KDTV**

Trong hồ sơ cần ghi nguồn của tất cả dữ liệu về hiệu lực (đã công bố hoặc chưa được công bố). Dữ liệu phải được trình bày rõ ràng và có hệ thống. Bất kỳ khẳng định nào về hiệu lực cũng phải có số liệu chứng minh.

**3.2.1 Dữ liệu về hiệu lực trong điều kiện phòng thí nghiệm/môi trường được quản lý**

Biện pháp xử lý cần nêu rõ giai đoạn của đối tượng dịch hại cần xử lý. Thường thì (các) giai đoạn trong vòng đời liên quan đến vật thể thuộc diện kiểm dịch vận chuyển trong thương mại là giai đoạn cần đề xuất và thiết lập biện pháp xử lý. Trong một số trường hợp, ví dụ một số giai đoạn của dịch hại có thể xảy ra trên vật thể thuộc diện kiểm dịch, thì cần sử dụng giai đoạn có khả năng chống chịu cao nhất để thử nghiệm phương pháp xử lý. Tuy nhiên, cần cân nhắc thực tế cũng như chiến lược kiểm soát dịch hại nhằm vào các giai đoạn mẫn cảm hơn hoặc giai đoạn cụ thể của dịch hại. Nếu nộp dữ liệu về hiệu lực đối với giai đoạn không được coi là có tính kháng cao nhất trong vòng đời (ví dụ: nếu giai đoạn có tính kháng cao nhất không liên quan đến vật thể thuộc diện kiểm dịch) thì cần cung cấp lý do. Dữ liệu hiệu lực được cung cấp phải nêu rõ độ tin cậy thống kê để chứng minh cho các khẳng định về hiệu lực của biện pháp xử lý áp dụng đối với giai đoạn cụ thể đó.

Khi có thể, nên trình bày dữ liệu nên được theo các phương pháp được sử dụng để xác định liều / biện pháp xử lý hiệu quả để chứng minh phạm vi hiệu lực của biện pháp xử lý đó (ví dụ: đường cong liều / hiệu lực). Các biện pháp xử lý thường có thể được đánh giá chỉ cho các điều kiện được thử nghiệm. Tuy nhiên, có thể cung cấp thông tin bổ sung để giúp ngoại suy nếu mở rộng phạm vi xử lý (ví dụ: kéo dài biên độ nhiệt, có giống hoặc loài dịch hại khác). Khi thông tin được cung cấp đủ để chứng minh hiệu quả của việc xử lý, chỉ cần có một bản tóm tắt các thí nghiệm sơ bộ có liên quan trong phòng thí nghiệm. Vật liệu và phương pháp được sử dụng trong các thí nghiệm phải phù hợp cho việc sử dụng phương pháp xử lý theo hiệu lực đã nêu.

Số liệu cung cấp cần chi tiết về, song không hạn chế:

**Thông tin dịch hại**

* xác định dịch hại đến mức có thể (như chi, loài, dòng, biotype, chủng sinh lý), giai đoạn trong vòng đời, và dòng đó lấy từ phòng thí nghiệm hay từ đồng ruộng.
* điều kiện mà dịch hại được cấy, nuôi hoặc trồng
* đặc điểm sinh học của dịch hại có liên quan đến xử lý (ví dụ như khả năng tồn tại, biến đổi gen, trọng lượng, thời gian phát triển, giai đoạn phát triển, khả năng sinh sản, không bị nhiễm bệnh hay ký sinh)
* phương pháp lây nhiễm tự nhiên hoặc nhân tạo
* xác định loài/ giai đoạn chống chịu nhất (trên vật thể thuộc diện kiểm dịch nếu thích hợp)

**Thông tin về vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật**

* loại vật thể thuộc diện kiểm dịch và mục đích sử dụng
* tên khoa học của thực vật hoặc sản phẩm thực vật (nếu có)

⋅dạng/ giống. Yêu cầu đối với thử nghiệm giống phải dựa trên bằng chứng cứ rằng sự khác biệt về giống sẽ ảnh hưởng đến hiệu lực của biện pháp xử lý, và phải cung cấp số liệu để làm rõ cho yêu cầu đó.

* Điều kiện của thực vật hay sản phẩm thực vật, ví dụ:

⋅không bị nhiễm dịch hại không phải đối tượng xử lý, disorder không do dịch hại hay dư lượng thuốc bảo vệ thực vật?

⋅kích thước, hình dạng, khối lượng, giai đoạn chín, chất lượng, vv....

⋅bị nhiễm ở giai đoạn mẫn cảm không?

⋅điều kiện bảo quản sau thu hoạch

**Các thông số liên quan đến thí nghiệm**

* Độ tin cậy của thí nghiệm trong phòng khi áp dụng biện pháp phân tích thống kê và số liệu hỗ trợ cách tính toán (VD: số đối tượng xử lý, số lần nhắc lại thí nghiệm, đối chứng)
* Trang thiết bị thí nghiệm
* Thiết kế thí nghiệm (VD: bố trí theo khối ngẫu nhiên hoàn chỉnh) nếu cần
* Điều kiện thí nghiệm (VD: nhiệt độ, độ ẩm tương đối, chu kỳ ngày đêm)
* Giám sát các thông số quan trọng (VD: thời gian xử lý, liều lượng, nhiệt độ của vật thể thuộc diện kiểm dịch, nhiệt độ không khí xung quanh và độ ẩm tương đối)
* Phương pháp đánh giá hiệu lực xử lý (VD: liệu tỷ lệ chết có phải là thông số phù hợp không, liệu tỷ lệ chết ở điểm cuối có được đánh giá vào đúng thời điểm không, tỷ lệ chết hoặc bất dục của nhóm bị xử lý và nhóm đối chứng)
* Xác định hiệu lực qua nhiều thông số quan trọng, nếu phù hợp, như thời gian xử lý, liều lượng, nhiệt độ, độ ẩm tương đối và thủy phần, kích thước, mật độ
* Phương pháp đo độc tính đối với thực vật, nếu phù hợp
* Hệ đo liều, hiệu chỉnh và độ chính xác của các phép đo, nếu áp dụng biện pháp chiếu xạ.

**3.2.2 Dữ liệu về hiệu lực, áp dụng điều kiện hoạt động thực tế**

Có thể trình các biện pháp xử lý để đánh giá mà không cần phải thực hiện các quy trình được nêu trong phần 3.2.1 khi có đủ dữ liệu hiệu lực từ ứng dụng hoạt động của xử lý. Nếu một biện pháp xử lý đã được xây dựng trong điều kiện phòng thí nghiệm, thì biện pháp đó phải được xác nhận bằng cách thử nghiệm trong điều kiện thực tế hoặc mô phỏng điều kiện thực tế. Kết quả của các thí nghiệm này phải xác nhận được rằng việc áp dụng quy trình xử lý đó đạt được hiệu quả đã nêu trong các điều kiện mà sau này biện pháp xử lý đó sẽ được áp dụng.

Khi các tiêu chuẩn kỹ thuật của biện pháp xử lý khác nhau đối với các thử nghiệm trong điều kiện thực tế, cần phải nêu rõ điểm sửa đổi trong quy trình thử nghiệm. Dữ liệu hỗ trợ có thể được trình bày từ các thí nghiệm sơ bộ để điều chỉnh quy trình xử lý nhằm thiết lập liều hiệu quả (ví dụ: nhiệt độ, hóa chất, chiếu xạ) trong điều kiện hoạt động thực tế.

Trong một số trường hợp, phương pháp đạt được liều hiệu quả sẽ khác với phương pháp đã thiết lập trong điều kiện phòng thí nghiệm. Cần cung cấp số liệu để giải thích cho cách ngoại suy kết quả trong phòng thí nghiệm.

Cũng nên đưa ra yêu cầu về số liệu như như liệt kê tại phần 3.2.1. Các số liệu cần thiết khác, tùy theo có tiến hành xử lý trước hay sau thu hoạch không, gồm:

* Yếu tố ảnh hưởng đến hiệu lực của biện pháp xử lý (ví dụ: đối với xử lý sau thu hoạch: đóng gói, cách đóng gói, kệ kê, thời gian xử lý (trước/sau đóng gói hay chế biến, quá cảnh, hay đã cập bến)). Cần nêu rõ tình trạng xử lý, ví dụ hiệu lực của biện pháp xử lý có thể bị ảnh hưởng bởi bao bì, và cần cung cấp dữ liệu để áp dụng cho các trường hợp khác nếu có thể.
* Theo dõi các thông số quan trọng (thời gian xử lý, liều lượng, nhiệt độ vật thể thuộc diện kiểm dịch và không khí xung quanh, độ ẩm tương đối). Ví dụ:

⋅số lượng và nơi đặt dây dẫn khí (khử trùng xông hơi)

⋅số lượng và các điểm đặt thiết bị cảm ứng sensor nhiệt độ/ẩm độ.

Ngoài ra, cần đề cập bất kỳ quy trình đặc biệt nào ảnh hưởng đến thành công của biện pháp xử lý (VD: duy trì được chất lượng vật thể thuộc diện kiểm dịch).

**3.3 Tính khả thi và áp dụng**

Cần cung cấp thông tin, nếu phù hợp, để đánh giá liệu biện pháp xử lý đó có khả thi và khả năng áp dụng không. Thông tin bao gồm:

* quy trình thực hiện biện pháp xử lý (dễ sử dụng, rủi ro đối với người thực hiện, mức độ phức tạp về kỹ thuật, yêu cầu cần tập huấn, trang thiết bị cần thiết).
* chi phí của cơ sở xử lý và chi phí vận hành, nếu phù hợp
* mức độ phù hợp về thương mại, bao gồm cả khả năng chi trả
* phạm vi mà các NPPO khác đã phê duyệt biện pháp xử lý này là biện pháp kiểm dịch thực vật.
* có chuyên môn cần thiết để áp dụng biện pháp xử lý
* Tính linh hoạt của biện pháp xử lý KDTV (ví dụ: áp dụng được cho nhiều nước, nhiều loài dịch hại và hàng hóa)
* mức độ mà biện pháp xử lý này có thể bổ sung cho các biện pháp xử lý KDTV khác (ví dụ: có tiềm năng để dùng như một phần của biện pháp tiếp cận hệ thống đối với một loại dịch hại hoặc bổ sung cho các biện pháp để xử lý loài dịch hại khác)
* tóm tắt thông tin về tác dụng phụ ngoài ý muốn có thể xảy ra (VD: ảnh hưởng đến môi trường, đến các sinh vật khác không phải là đối tượng, đến sức khỏe con người động vật)
* khả năng áp dụng biện pháp xử lý đối với tổ hợp vật thể/ dịch hại thuộc diện kiểm dịch cụ thể
* phù hợp về mặt kỹ
* độc tính đối với thực vật và các ảnh hưởng khác đến chất lượng của vật thể thuộc diện kiểm dịch, nếu có
* Cân nhắc nguy cơ đối với đối tượng xử lý đã có tính kháng hay đang phát triển tính kháng đối với biện pháp xử lý.

Quy trình xử lý phải mô tả đầy đủ phương pháp áp dụng biện pháp xử lý trong điều kiện thương mại.

## **Đánh giá biện pháp xử lý đã trình**

TPPT sẽ chỉ xem xét các bản đệ trình khi thông tin trong phần 3 được đề cập đầy đủ. Thông tin cung cấp sẽ được đánh giá theo yêu cầu nêu trong phần 3.

Cần chú ý đến tính bảo mật nếu thông tin đó cần bảo mật. Trong trường hợp như vậy, thông tin mật trong nội dung nộp phải được trình bày rõ ràng. Khi cần có thông tin bí mật để phê chuẩn biện pháp xử lý, người trình sẽ được yêu cầu tiết lộ thông tin. Nếu không được phép cung cấp thông tin thì có thể ảnh hưởng đến việc phê chuẩn biện pháp xử lý.

Biện pháp xử lý chỉ được phê chuẩn cho các vật thể thuộc diện kiểm dịch và dịch hại là đối tượng thí nghiệm biện pháp xử lý và cho các điều kiện thí nghiệm, trừ khi dữ liệu được nêu nhằm để hỗ trợ ngoại suy (ví dụ: áp dụng biện pháp xử lý cho nhiều loài dịch hại hoặc vật thể thuộc diện kiểm dịch).

Nếu hồ sơ đệ trình chưa đáp ứng yêu cầu như yêu cầu trong phần 3, người có thông tin liên lạc trong hồ sơ đó sẽ sẽ được thông báo lý do. Có thể đề xuất cung cấp thêm thông tin hoặc thực hiện thêm một số việc (ví dụ: nghiên cứu, khảo nghiệm trên đồng ruộng, phân tích).

## **Công bố biện pháp xử lý Kiểm dịch thực vật**

Sau khi đươc CPM thông qua, các biện pháp xử lý kiểm dịch thực vật sẽ được đăng tải trên cổng thông tin điện tử thành phụ lục của tiêu chuẩn này.

## **Rà soát và đánh giá lại biện pháp xử lý**

Các bên tham gia IPPC phải gửi cho Ban thư ký IPPC mọi thông tin mới có khả năng ảnh hưởng tới các biện pháp xử lý hiện đang được CPM chấp nhận. TPPT sẽ rà soát dữ liệu và sửa đổi các biện pháp xử lý nếu cần thiết thông qua quy trình xây dựng tiêu chuẩn bình thường.



**IPPC**

Công ước quốc tế về Bảo vệ thực vật (IPPC) là một thỏa thuận quốc tế về sức khỏe thực vật nhằm mục đích bảo vệ cây trồng và thực vật hoang dã bằng cách ngăn ngừa dịch hại du nhập và lây lan. Đi lại và thương mại quốc tế hiện đang phát triển hơn bao giờ hết. Cùng với con người và hàng hóa vận chuyển trên toàn thế giới, dịch hại có nguy cơ đi theo người và hàng hóa.

**Cơ cấu tổ chức**

* Có trên 180 nước thành viên.
* Mỗi nước thành viên đều có một Tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia (NPPO) và một đầu mối liên lạc chính thức với IPPC.
* Chín Tổ chức Bảo vệ thực vật vùng (RPPO) cùng nhau hoạt động để thực hiện IPPC tại các nước.
* IPPC phối hợp với các tổ chức quốc tế liên quan để hỗ trợ tăng cường năng lực quốc gia và khu vực.
* Ban thư ký IPPC do Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc (FAO) quy định.



Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc

Ban thư ký IPPC

Viale delle Terme di Caracalla, 00153 Rome, Italy

Tel: +39 06 5705 4812

Email: ippc@fao.org  | Web: www.ippc.int

1. Việc đưa biện pháp xử lý KDTV vào ISPM này không buộc nước thành viên của IPPC phê chuẩn biện pháp xử lý đó hoặc phải đăng ký hoặc thông qua để sử dụng xử lý trên lãnh thổ của mình. [↑](#footnote-ref-1)